

QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TỪ "ĐỐI TÁC HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC TOÀN DIỆN" HƯỚNG TỚI "CỘNG ĐỒNG CHIA SẺ TƯƠNG LAI"

NGUYỄN XUÂN CƯỜNG*

PHẠM LƯU BÌNH*

Tóm tắt: Nhân dịp kỷ niệm 75 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc (18/1/1950-18/1/2025), bài viết nhìn lại chặng đường phát triển của quan hệ giữa hai nước kể từ khi thiết lập khuôn khổ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện (2008) đến nay; đánh giá thực trạng hợp tác trên các trụ cột chính trị, kinh tế, an ninh và văn hóa xã hội. Thông qua việc vận dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế, nghiên cứu làm rõ các mục tiêu chiến lược, sự đan xen lợi ích và những bước chuyển quan trọng của quan hệ Việt - Trung trong bối cảnh địa chính trị mới; luận giải quá trình nâng cấp từ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện hướng tới xây dựng “Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược”.

Từ khóa: Quan hệ Việt - Trung, đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, cộng đồng chia sẻ tương lai, Việt Nam, Trung Quốc

Lĩnh vực nghiên cứu: Chính trị, quan hệ quốc tế

Abstract: On the occasion of the 75th anniversary of diplomatic relations between Vietnam and China (18 January 1950 – 18 January 2025), this article reviews the development of relations between the two countries since the establishment of the Comprehensive Strategic Cooperative Partnership framework (2008) to the present. It assesses the current state of cooperation across the main pillars of politics, economy, security, and socio-cultural exchange. By applying international relations theories, the study clarifies the strategic goals, the intertwining of interests, and the important shifts in Vietnam-China relations within the new geopolitical context. It also examines the process of upgrading bilateral relations from a comprehensive strategic cooperative partnership towards the building of a “Vietnam–China Community with a Shared Future of Strategic Significance.”

Keywords: Vietnam - China relations, comprehensive strategic cooperative partnership, community with a shared future, Vietnam, China

(Ngày nhận bài: 5/12/2025; ngày gửi phản biện: 8/12/2025; ngày duyệt đăng 15/12/2025)

Mở đầu

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia láng giềng, núi liền núi, sông liền sông, có sự tương đồng về chế độ chính trị và sự gần gũi về truyền thống văn hóa, phong

* TS., Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Email: xuancuong@vnics.org.vn

* Học viên cao học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

tục tập quán. Lãnh đạo cấp cao Trung Quốc đã khái quát những điểm chung này là “son thủy tương liên, văn hóa tương thông, lý tưởng tương đồng, vận mệnh tương quan”¹. Lịch sử quan hệ hai nước đã trải qua chặng đường 75 năm kể từ ngày 18/01/1950, khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự kiện lịch sử này đã mở ra một thời kỳ mới, trong đó tình hữu nghị “vừa là đồng chí, vừa là anh em” được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Mao Trạch Đông cùng các thế hệ lãnh đạo tiên bối dày công vun đắp, trở thành dòng chảy chính xuyên suốt dù quan hệ song phương có những thời điểm trải qua thăng trầm.

Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, hai Đảng, hai nước đều chia sẻ nhận thức chung rằng sự phát triển ổn định, bền vững và lâu dài của quan hệ Việt - Trung không chỉ phù hợp với xu thế thời đại mà còn đáp ứng lợi ích cơ bản, lâu dài của nhân dân hai nước. Bước ngoặt quan trọng định hình quỹ đạo phát triển của quan hệ hai nước trong thế kỷ XXI chính là việc thiết lập quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện vào năm 2008, và gần đây nhất là nhất trí xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai có ý nghĩa chiến lược vào tháng 12/2023. Hiện nay, quan hệ song phương đang bước vào giai đoạn phát triển mới thực chất hơn và toàn diện hơn theo định hướng “6 hơn”, phản ánh nhu cầu nội tại và tầm nhìn chiến lược của cả hai nước trong kỷ nguyên mới.

1. Khuôn khổ quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc

1.1. Định nghĩa khuôn khổ và sự hội tụ các điều kiện thiết lập

Việc nâng cấp quan hệ lên tầm Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện vào năm 2008 là sự xác lập mức độ hợp tác cao nhất, phản ánh sự hội tụ chín muồi các điều kiện về địa chính trị, kinh tế và xã hội từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ năm 1991.

Xét về mặt địa chính trị và an ninh, yếu tố địa lý “chung đường biên giới” là bất biến, khiến việc duy trì khuôn khổ hòa bình, ổn định trở thành lợi ích chiến lược quan trọng hàng đầu. Từ sau Chiến tranh Lạnh, cùng với những biến động an ninh toàn cầu đầu thế kỷ XXI, cả Việt Nam và Trung Quốc đều xác định điều kiện tiên quyết là phải kiến tạo một môi trường khu vực ổn định để tập trung phát triển nội lực. Những tiến bộ mang tính đột phá trong việc giải quyết các vấn đề lịch sử, điển

¹ 邢雪 沈小晓 张矜若, “把中越友好接力棒一代代传下去”, 求是网 (“Truyền tiếp ngọn đuốc hữu nghị Trung - Việt qua các thế hệ”, *Mạng Cầu thị*), 15/4/2025, <https://www.qstheory.cn/20250415/b817a304ad89462db01763985b90708b/c.html>.

hình là việc ký kết Hiệp ước Biên giới trên bộ (1999) và Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ (2000), đã tạo nền tảng tin cậy mang tính chiến lược, thể hiện khả năng giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán của hai bên. Đặc biệt, trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và bối cảnh cạnh tranh nước lớn, Việt Nam đã chủ động định vị quan hệ với nước láng giềng lớn này trong một khuôn khổ hợp tác chính thức như một biện pháp phòng ngừa rủi ro chiến lược.

Mục đích kinh tế đóng vai trò then chốt trong việc định hình nội hàm của khuôn khổ này. Công cuộc đổi mới của Việt Nam và cải cách mở cửa của Trung Quốc đã tạo ra sự bổ trợ và phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, làm cơ sở vật chất cho khuôn khổ mới. Việc Việt Nam gia nhập WTO năm 2007 và sự bùng nổ của thương mại Việt - Trung từ mức 32 triệu USD năm 1991 lên hơn 20 tỷ USD năm 2008² đã tạo ra những lợi ích thiết thực, đòi hỏi cần có một khuôn khổ chính trị tương xứng để thúc đẩy quan hệ song phương. Bên cạnh đó, sự tương đồng về ý thức hệ và chế độ chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo là một điều kiện quan trọng, tạo nên “lợi ích cốt lõi” chung trong việc duy trì an ninh chế độ và sự ổn định chính trị trước các nguy cơ “diễn biến hòa bình”.

Mức độ và thứ bậc chiến lược của khuôn khổ này được xác định rõ trong tổng thể chính sách đối ngoại của cả hai nước. Về phía Việt Nam, đây là khuôn khổ cao nhất, khẳng định vị trí ưu tiên hàng đầu đối với Trung Quốc trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Việt Nam xác định Trung Quốc là đối tác quan trọng nhất, có tác động trực tiếp đến an ninh và phát triển quốc gia, đồng thời là thị trường và nguồn lực lớn để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc duy trì quan hệ hữu nghị với Trung Quốc giúp Việt Nam bảo đảm vành đai an ninh, đồng thời quản lý hiệu quả các mâu thuẫn trên biển thông qua cơ chế đối thoại cấp cao. Ở chiều ngược lại, Trung Quốc đặt mục tiêu địa chính trị lên hàng đầu, coi trọng việc duy trì một “vành đai an ninh” ổn định ở sườn phía Nam trong tổng thể ngoại giao láng giềng. Một Việt Nam ổn định, không liên kết với các cường quốc bên ngoài để chống lại Bắc Kinh là lợi ích chiến lược cốt lõi của Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh Mỹ có dấu hiệu “xoay trục” về châu Á. Hơn nữa, việc thể chế hóa quan hệ ở mức cao nhất giúp Trung Quốc thúc đẩy các sáng kiến kinh tế mang tính khu vực và toàn cầu; khẳng định sức ảnh hưởng của mô hình xã hội chủ nghĩa trong thế kỷ XXI.

² Nguyễn Huy Quý, “Sáu mươi năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc: Nhìn lại lịch sử, hướng tới tương lai”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 04/02/2010, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/224/sau-muoi-nam-quan-he-ngoai-giao-viet-nam---trung-quoc--nhin-lai-lich-su%2C-huong-toi-tuong-lai.aspx#01>.

Khuôn khổ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt - Trung là một cấu trúc phát triển có tính kế thừa và ngày càng hoàn thiện. Giai đoạn xây dựng nền tảng (1991-2008) tập trung vào việc xây dựng lại lòng tin và định hình các nguyên tắc chung sống hòa bình, giải quyết các vấn đề lịch sử về biên giới lãnh thổ. Các văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền (năm 1999) và Vịnh Bắc Bộ (năm 2000) được ký kết trong giai đoạn này đã tạo nên tảng vững chắc và là biểu hiện cụ thể của lòng tin chiến lược trong quan hệ Việt - Trung.

Bước sang giai đoạn chính thức hóa và phát triển (từ năm 2008), khuôn khổ quan hệ đã được xác lập dựa trên 5 trụ cột hợp tác chính: (1) chính trị ngoại giao; (2) kinh tế thương mại; (3) khoa học kỹ thuật, giáo dục, văn hóa; (4) an ninh quốc phòng; và (5) hợp tác đa phương. Để vận hành khuôn khổ này, một loạt cơ chế hợp tác đã được thiết lập, quan trọng nhất là Ủy ban Chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc (được thành lập từ năm 2006, nâng cấp năm 2008) ở cấp Phó Thủ tướng/Ủy viên Quốc vụ viện³, đóng vai trò điều phối tổng thể. Đặc biệt, ngoại giao kênh Đảng được xác định là quan trọng nhất, đóng vai trò định hướng chiến lược và xử lý các vấn đề nhạy cảm thông qua các cuộc gặp thường xuyên giữa hai Tổng Bí thư và đại diện hai Bộ Chính trị.

1.2. Cơ sở lý thuyết và so sánh với các khuôn khổ tương tự

Quan hệ Việt - Trung những năm 2008-2025 cần được giải thích dưới góc nhìn của nhiều lý thuyết quan hệ quốc tế, chứ không phải là một lý thuyết đơn lẻ. Dưới góc nhìn của chủ nghĩa tự do (liberalism), yếu tố nổi bật để xây dựng khuôn khổ này là hợp tác kinh tế và hội nhập. Lãnh đạo hai nước đều tin tưởng rằng hợp tác kinh tế và sự phụ thuộc lẫn nhau sẽ tạo ra thịnh vượng chung và giảm thiểu xung đột, thể hiện qua việc coi hợp tác kinh tế là trụ cột. Hai bên cũng tin vào vai trò của thể chế trong việc kiến tạo hòa bình khi đã ký kết các hiệp định thương mại và biên giới, xây dựng hàng loạt cơ chế, thể chế hợp tác như Ủy ban Chỉ đạo hợp tác song phương.

Chủ nghĩa kiến tạo (constructivism) cung cấp một góc nhìn để lý giải tính chất “đặc biệt” của mối quan hệ này. Bản sắc “xã hội chủ nghĩa”, mối quan hệ truyền thống lâu đời đã kiến tạo nên nền tảng nhận thức chung mà các đối tác phương Tây khó có thể có được. Các chuẩn mực như “phương châm 16 chữ” - Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” và “tinh thần 4

³ Từ ngày 10-12/11/2006, Ủy viên Quốc vụ viện nước CHND Trung Hoa Đường Gia Triền đã sang thăm và làm việc tại Việt Nam. Ngày 11/11, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm và Ủy viên Quốc vụ viện Đường Gia Triền đã chứng kiến lễ ký Bản ghi nhớ về việc thành lập Ủy ban Chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa.

tốt” - Láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt, giúp định hình hành vi và kỳ vọng của hai bên. Quan trọng hơn, vai trò nòng cốt của kênh Đảng chính là cơ chế đặc thù để duy trì bản sắc chung này, tạo ra mức độ tin cậy chính trị cho phép hai nước quản lý khủng hoảng theo cách mà các quốc gia khác biệt về hệ tư tưởng khó có thể thực hiện được.

Tuy nhiên, chủ nghĩa hiện thực (realism) lại lý giải chính xác những mâu thuẫn dai dẳng về chủ quyền và hành vi cạnh tranh quyền lực trong khuôn khổ này. Đối với Trung Quốc, các hành động trên biển phản ánh tham vọng của một cường quốc đang trỗi dậy; trong khi đối với Việt Nam, đó là cuộc đấu tranh để bảo toàn sự tự chủ chiến lược và cân bằng trước sức ép bất đối xứng. Việc Việt Nam kiên định chính sách “không chọn bên” và duy trì cân bằng linh hoạt trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn là những động thái mang đậm tính hiện thực, qua đó tối ưu hóa lợi ích quốc gia.

2. Tiến triển trong quan hệ Việt - Trung từ năm 2008 đến nay

2.1. Quan hệ chính trị - ngoại giao

Việc thiết lập quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện vào năm 2008 là cột mốc quan trọng, đưa quan hệ chính trị - ngoại giao đi vào chiều sâu. Điểm nổi bật trong giai đoạn 2008-2025 là sự gia tăng đáng kể về tần suất và tính thực chất của các cuộc trao đổi đoàn cấp cao và hợp tác kênh Đảng ngày càng chặt chẽ. Đặc biệt, trong giai đoạn 2023-2025, lòng tin chính trị đã được cụ thể hóa bằng việc định vị mới xây dựng cộng đồng chia sẻ tương lai có ý nghĩa chiến lược, được hiện thực hóa qua các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao nhất, như chuyến thăm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tới Trung Quốc ngay sau Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc, chuyến thăm của lãnh đạo Trung Quốc Tập Cận Bình năm 2023 và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm năm 2024. Sự tin cậy song phương được củng cố thông qua các cơ chế tham vấn thường xuyên giữa hai Bộ Ngoại giao và các ban Đảng, tạo cơ hội để tăng cường giao lưu, trao đổi về lập trường và giới hạn của mỗi bên.

Tuy nhiên, tính chất “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” cũng thể hiện rõ nét trong lĩnh vực này, phức tạp hơn so với trước năm 2008. Trong khi hợp tác chặt chẽ tại các diễn đàn quốc tế như Liên hợp quốc về các vấn đề toàn cầu, sự phối hợp trong khuôn khổ ASEAN lại trở nên phức tạp do vấn đề Biển Đông nảy sinh gay gắt hơn. Dù vậy, Việt Nam vẫn đóng vai trò cầu nối quan trọng trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc và nỗ lực thúc đẩy đàm phán Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) tiến triển hơn giai đoạn trước.

2.2. Hợp tác kinh tế

Kinh tế là lĩnh vực hợp tác năng động nhất giữa hai nước, phản ánh rõ nét sự phụ thuộc lẫn nhau nhưng cũng bộc lộ sự mất cân đối cơ cấu cần giải quyết.

Về thương mại, kim ngạch song phương đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, kim ngạch thương mại song phương từ mức hơn 20 tỷ USD năm 2008 đã tăng vọt lên 95,819 tỷ USD⁴ vào năm 2015 và đạt mức kỷ lục 175,65 tỷ USD vào năm 2022⁵. Năm 2024, lần đầu tiên thương mại hai chiều Việt Nam - Trung Quốc vượt 205 tỷ USD, và chỉ sau 1 năm, mức trao đổi thương mại đã tăng thêm khoảng 47 tỷ USD, đạt 252 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm 2024⁶. Trung Quốc tiếp tục là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam.

Tuy nhiên, đi kèm với sự tăng trưởng này là tình trạng nhập siêu của Việt Nam cũng ngày càng lớn, từ mức 11 tỷ USD năm 2008 lên hơn 60 tỷ USD năm 2022, và lên đến 82,8 tỷ USD năm 2024⁷. Năm 2025, nhập khẩu tiếp tục tăng mạnh, với kim ngạch 182,58 tỷ USD, tăng thêm 38,56 tỷ USD so với 2024⁸, đặt ra thách thức lớn hơn về cân bằng cán cân thương mại. Điểm khác biệt quan trọng trong giai đoạn 2024-2025 là sự dịch chuyển trọng tâm từ thương mại đơn thuần sang kết nối hạ tầng chiến lược và chuỗi cung ứng. Nổi bật nhất là cam kết triển khai ba tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn (Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Lạng Sơn - Hà Nội, Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng), qua đó cụ thể hóa sáng kiến “Vành đai và Con đường” kết nối với khuôn khổ “Hai hành lang, một vành đai”.

Về đầu tư (FDI), dòng vốn từ Trung Quốc đã có sự tăng trưởng về số lượng và chuyển dịch đáng kể về chất lượng so với giai đoạn trước 2008, đặc biệt từ sau năm 2016. Hiện nay, làn sóng đầu tư đã dịch chuyển mạnh sang lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng tái tạo và điện tử. Tính đến cuối năm 2024, Trung Quốc đứng thứ 6/149 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với 5.111 dự án, với tổng vốn đăng

⁴ 新华网, “中越友谊关—友谊口岸国际货物运输专用通道试运行”, 中国新闻网, (Tân Hoa xã “Đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa quốc tế Hữu Nghị Quan - cửa khẩu Hữu Nghị Trung-Việt đi vào vận hành thử nghiệm”, *Mạng Tin tức Trung Quốc*), ngày 11/12/2016, http://www.xinhuanet.com/world/2016-12/11/c_1120096026.htm.

⁵ Nguyễn Thanh Tâm, Vũ Đức Bình, “Thực trạng xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc: cơ hội và thách thức trong bối cảnh mới”, *Tạp chí Công thương*, ngày 13/10/2023, <https://tapchicongthuong.vn/thuc-trang-xuat-nhap-khau-giua-viet-nam-va-trung-quoc-co-hoi-va-thach-thuc-trong-boi-canh-moi-112228.htm>, truy cập ngày 13/10/2023.

⁶ Thế Hải, “Thương mại Việt Nam - Trung Quốc năm 2025 đạt 252 tỷ USD”, *báo Đầu tư*, ngày 27/12/2025, <https://baodautu.vn/thuong-mai-viet-nam---trung-quoc-nam-2025-dat-252-ty-usd-d473261.html>.

⁷ Phúc Hậu, “Thâm hụt thương mại Việt Nam - Trung Quốc ngày càng lớn”, *Báo điện tử Sài Gòn giải phóng*, ngày 14/01/2025, <https://www.sggp.org.vn/tham-hut-thuong-mai-viet-nam-trung-quoc-ngay-cang-lon-post777783.html>.

⁸ Thế Hải, “Thương mại Việt Nam - Trung Quốc năm 2025 đạt 252 tỷ USD”, *itdd*.

ký trên 30,8 tỷ USD. Trong năm 2024, Trung Quốc đầu tư 4,7 tỷ USD, tiếp tục giữ vị trí thứ ba trong số các nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam⁹. Trong 9 tháng đầu năm 2025, tổng vốn đầu tư của Trung Quốc đạt 3,42 tỷ USD. Đặc biệt, xét về số dự án, Trung Quốc là đối tác dẫn đầu về số dự án đầu tư mới, chiếm tới 30,42%¹⁰, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư vào môi trường kinh doanh tại Việt Nam và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Các dự án lớn như nhà máy của Victory Giant Technology hay Green Precision tại Bắc Ninh là minh chứng cho xu hướng đầu tư vào các ngành công nghiệp hiện đại, hỗ trợ Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2.3. Quan hệ quốc phòng - an ninh

Lĩnh vực quốc phòng - an ninh luôn được xem là một trong những chỉ dấu quan trọng để đo lường mức độ tin cậy chiến lược giữa hai quốc gia. Trong khuôn khổ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, hợp tác quốc phòng - an ninh giữa Việt Nam và Trung Quốc đã được thể chế hóa và mở rộng đáng kể so với giai đoạn trước năm 2008. Tuy nhiên, đây cũng là lĩnh vực mà sự khác biệt về lợi ích chiến lược biểu hiện rõ rệt nhất, đặc biệt là vấn đề Biển Đông, khiến quan hệ Việt - Trung mang tính chất “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”.

Điểm sáng nổi bật nhất trong quan hệ quốc phòng song phương giai đoạn này chính là hợp tác quản lý biên giới trên bộ. Việc hoàn thành toàn bộ công tác phân giới cắm mốc vào ngày 31/12/2008, ngay trước khi nâng cấp quan hệ, đã tạo nền tảng pháp lý và thực địa vững chắc. Trên cơ sở đó, lực lượng biên phòng hai nước đã triển khai thường xuyên các hoạt động hợp tác chống buôn lậu, tội phạm ma túy và khủng bố, góp phần trực tiếp xây dựng một đường biên giới hòa bình, hữu nghị và cùng phát triển. Một trong những cơ chế hợp tác thực chất nhất được hình thành trong giai đoạn này là “Giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới Việt - Trung”. Được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2014 và nâng lên cấp bộ trưởng từ năm 2015, cơ chế này đã trở thành biểu tượng cho sự tin cậy ở cấp độ địa phương và quân khu biên giới, với các hoạt động cụ thể như tuần tra chung, diễn tập chống tội phạm và các hoạt động dân vận.

Về đối thoại cấp cao, cơ chế Đối thoại chiến lược quốc phòng cấp thứ trưởng được thiết lập từ năm 2010 và các cuộc gặp thường niên giữa hai bộ trưởng quốc

⁹ Đinh Đại, “Chất lượng đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam đã có sự cải thiện vượt bậc”, *Tạp chí Diễn đàn doanh nghiệp*, ngày 21/01/2025, <https://diendandoanhngiep.vn/chat-luong-dau-tu-cua-trung-quoc-vao-viet-nam-da-co-su-cai-thien-vuot-bac-10149311.html>.

¹⁰ Kiều Trang, “Dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc vẫn đổ mạnh vào Việt Nam, nhận diện rủi ro và cơ hội”, *Báo Đầu tư chứng khoán*, ngày 30/10/2025, <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/dong-von-dau-tu-tu-trung-quoc-van-do-manh-vao-viet-nam-nhan-dien-rui-ro-va-co-hoi-post379518.html>.

phòng đã được duy trì tương đối đều đặn. Về hình thức, tần suất này không thua kém các đối tác chiến lược khác, nhưng nội hàm của các cuộc đối thoại này thường nghiêng về quản trị khủng hoảng và truyền tải các thông điệp chiến lược nhằm ngăn chặn sự leo thang xung đột hơn là xây dựng năng lực tác chiến chung. Đường dây nóng giữa lãnh đạo cấp cao và giữa hai Bộ Quốc phòng đã được thiết lập, đóng vai trò là kênh liên lạc khẩn cấp quan trọng để kiểm soát tình hình khi có va chạm xảy ra.

So với giai đoạn trước năm 2008, khi hợp tác quốc phòng còn mang tính thăm dò, hợp tác giai đoạn hiện nay đã đi vào chiều sâu với cơ chế Đối thoại chiến lược quốc phòng cấp thứ trưởng và Giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới thường niên với đặc điểm mới là sự mở rộng sang hợp tác an ninh phi truyền thống, chống tội phạm công nghệ cao và tội phạm xuyên biên giới. Nội dung “hợp tác quốc phòng - an ninh thực chất hơn” được thể hiện qua việc hai bên không chỉ dừng lại ở tuần tra chung trên Vịnh Bắc Bộ mà còn mở rộng sang hợp tác công nghiệp quốc phòng và đào tạo sĩ quan. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn kiên định chính sách “bốn không”, đảm bảo việc hợp tác an ninh với Trung Quốc không gây phương hại đến an ninh quốc gia hoặc quan hệ với các nước khác.

Tuy nhiên, trái ngược với sự ổn định trên bộ, vấn đề Biển Đông tiếp tục là trở ngại lớn nhất trong quan hệ song phương. Sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 (HD-981) năm 2014 là một minh chứng điển hình cho sự mong manh của lòng tin chiến lược, khi sự cố này đã khiến các hoạt động hợp tác quốc phòng gần như đóng băng trong một thời gian ngắn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ hai nước. Mặc dù hai nước duy trì cơ chế tuần tra chung Vịnh Bắc Bộ và hợp tác tìm kiếm cứu nạn, nhưng các hoạt động này chủ yếu mang tính chất phi chiến đấu và kỹ thuật. Nhìn chung, hợp tác quốc phòng - an ninh Việt - Trung hiện nay tập trung vào việc thúc đẩy hợp tác ở những nơi có lợi ích chung trùng khớp (biên giới trên bộ) và nỗ lực quản trị bất đồng để tránh xung đột vũ trang ở những nơi có mâu thuẫn lợi ích như Biển Đông.

2.4. Hợp tác văn hóa xã hội và khoa học công nghệ

Bên cạnh các trụ cột chính trị, kinh tế, an ninh, quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt - Trung còn chú trọng các lĩnh vực hợp tác quan trọng khác như văn hóa, xã hội và khoa học công nghệ. Đây là những lĩnh vực được kỳ vọng sẽ tạo ra “nền tảng xã hội vững chắc hơn” theo định hướng “6 hơn” đã được lãnh đạo hai nước thống nhất.

Về *giao lưu nhân dân và văn hóa*, nhận thức rõ tầm quan trọng của sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai dân tộc, hoạt động giao lưu nhân dân đã được đẩy mạnh với hình

thức đa dạng. Các sự kiện như Liên hoan Thanh niên Việt Nam - Trung Quốc (tổ chức vào các năm 2010, 2013, 2016) và các cuộc gặp gỡ hữu nghị thanh niên thường niên đã tạo cơ hội cho thể hệ trẻ hai nước giao lưu, trao đổi, tăng cường hiểu biết lẫn nhau. Đặc biệt, năm 2025 được chọn là “Năm giao lưu nhân văn Việt - Trung” nhân kỷ niệm 75 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, khẳng định quyết tâm chính trị trong việc nâng tầm hợp tác văn hóa lên một mức độ sâu sắc hơn¹¹. Mục đích của các hoạt động này không chỉ dừng lại ở giao lưu đơn thuần mà còn nhằm giáo dục truyền thống hữu nghị, nỗ lực hạn chế các luồng thông tin tiêu cực và tâm lý dân tộc cực đoan.

Trong lĩnh vực giáo dục, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực đã có những bước tiến vượt bậc. Từ các hiệp định trao đổi giáo dục giai đoạn đầu, đến nay hai nước đã thiết lập cơ chế công nhận lẫn nhau về bằng cấp và trình độ¹². Số lượng lưu học sinh Việt Nam tại Trung Quốc tăng mạnh, từ khoảng 12.000 người năm 2009 lên mức ổn định 12.000-15.000 người¹³ trong những năm gần đây, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có lượng du học sinh đông đảo nhất tại Trung Quốc. Cam kết của Chính phủ Trung Quốc về việc cung cấp hàng nghìn suất học bổng trong giai đoạn 2022-2027 và hoạt động của Viện Khổng Tử tại Đại học Hà Nội từ năm 2013 đã phản ánh chiến lược dài hạn của Bắc Kinh trong xây dựng sức mạnh mềm và đào tạo nguồn nhân lực am hiểu Trung Quốc.

Trong lĩnh vực du lịch, đây là một trong những điểm sáng ấn tượng và là động lực kinh tế quan trọng trong quan hệ song phương. Giai đoạn 2008-2019 chứng kiến sự bùng nổ về số lượng khách du lịch Trung Quốc đến Việt Nam, tăng từ hơn 600.000 lượt năm 2008 lên mức đỉnh điểm 5,8 triệu lượt vào năm 2019, chiếm tới 32% tổng lượng khách quốc tế của Việt Nam¹⁴. Bên cạnh lợi ích kinh tế, sự phụ thuộc lớn vào thị trường này bộc lộ rủi ro khi đại dịch COVID-19 bùng phát, khiến ngành du lịch Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề trong giai đoạn 2020-2022. Tuy nhiên, sự phục hồi đã diễn ra nhanh chóng sau khi mở cửa trở lại. Trong 11 tháng đầu năm 2025, Việt Nam đã đón 4,8 triệu lượt khách Trung Quốc¹⁵, ở chiều ngược lại cũng ghi

¹¹ Hữu Hưng, “Hứa hẹn Năm giao lưu nhân văn Việt-Trung sôi động”, *Báo Nhân Dân điện tử*, ngày 26/01/2025, <https://nhandan.vn/hua-hen-nam-giao-luu-nhan-van-viet-trung-soi-dong-post857829.html>.

¹² 马晋芳, 中越高等教育合作探究[J], *社会科学前沿* (Mã Tấn Phương, Nghiên cứu về hợp tác giáo dục cao đẳng Trung - Việt, *Tuyên đầu khoa học xã hội*), 12(1) (2023): 403-407.

¹³ Bình Minh, “Người Việt du học Trung Quốc tăng mạnh”, *Vnexpress*, ngày 03/8/2023, <https://vnexpress.net/nguoi-viet-du-hoc-trung-quoc-tang-manh-4637090.html>.

¹⁴ Hà Mai, “Khách Trung Quốc tăng mạnh, du lịch Việt Nam lập kỷ lục mới”, *báo Thanh niên*, ngày 07/12/2025, <https://thanhnien.vn/khach-trung-quoc-tang-manh-du-lich-viet-nam-lap-ky-luc-moi-185251207104142608.htm>.

¹⁵ Báo ảnh Việt Nam, “Việt Nam đón gần 17,2 triệu lượt khách quốc tế trong 10 tháng năm 2025”, *TTXVN*, ngày 07/11/2025, <https://vietnam.vn/vietnamese/tin-van/viet-nam-don-gan-172-trieu-luot-khach-quoc-te-trong-10-thang-nam-2025-413923.html>.

nhận sự gia tăng đột biến của khách du lịch Việt Nam sang Trung Quốc (khoảng 4,5 triệu lượt năm 2023), đứng đầu trong số khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài¹⁶, khẳng định sức hút và nhu cầu giao lưu tự nhiên giữa người dân hai nước.

Trong lĩnh vực khoa học công nghệ, nếu như hợp tác khoa học công nghệ trước đây còn khá khiêm tốn và tản mát, thì giai đoạn từ năm 2023 trở lại đây đã có sự chuyển mình mạnh mẽ, trở thành một động lực mới cho quan hệ song phương. Tuyên bố chung tháng 12/2023 đã mở đường cho hàng loạt thỏa thuận về kinh tế số, phát triển xanh và viễn thông¹⁷. Điểm nổi bật là sự dịch chuyển từ các dự án nghiên cứu nông nghiệp truyền thống sang các lĩnh vực công nghệ tiên phong như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và mạng 5G¹⁸.

Các dự án đầu tư FDI công nghệ cao của Trung Quốc tại Việt Nam, như nhà máy sản xuất bản mạch in có độ chính xác cao hay linh kiện điện tử tại Bắc Ninh, không chỉ đơn thuần là chuyển dịch sản xuất mà còn kèm theo hoạt động chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực kỹ thuật. Sự hiện diện của các tập đoàn công nghệ hàng đầu Trung Quốc trong việc hỗ trợ hạ tầng số và đào tạo kỹ sư mạng 5G cho thấy Bắc Kinh đang nỗ lực đưa Việt Nam tham gia sâu hơn vào hệ sinh thái công nghệ khu vực. Đối với Việt Nam, đây là cơ hội lớn để tiếp cận công nghệ nguồn với chi phí hợp lý và nâng cao năng lực nội sinh, nhưng đồng thời cũng đặt ra bài toán chiến lược về an ninh mạng và sự tự chủ công nghệ trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ toàn cầu.

Có thể thấy, bức tranh hợp tác Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2008-2025 thể hiện sự phát triển toàn diện trên mọi trụ cột, từ sự tin cậy chính trị ở cấp cao nhất, sự ràng buộc chặt chẽ về lợi ích kinh tế, đến những nỗ lực xây dựng nền tảng văn hóa - xã hội và quản lý các thách thức an ninh. Tất cả tạo nên một mối quan hệ đa chiều, đan xen lợi ích, đòi hỏi sự quản lý khéo léo và tầm nhìn chiến lược từ cả hai phía để duy trì đà phát triển ổn định của hai nước trong kỷ nguyên mới.

¹⁶ 经济社会复苏与发展：中国企业和游客欢迎恢复赴越旅游 (Phục hồi và phát triển kinh tế xã hội: Doanh nghiệp và du khách Trung Quốc hoan nghênh khôi phục du lịch đến Việt Nam), 2023/03/13, <https://cn.qdnd.vn/cid-6153/7190/-601202>.

¹⁷ “Việt Nam - Trung Quốc hợp tác sâu rộng về thông tin, truyền thông”, *Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin Điện tử*, ngày 13/12/2023, <https://abei.gov.vn/hoat-dong-su-kien/viet-nam-trung-quoc-hop-tac-sau-rong-ve-thong-tin-truyen-thong/108318>. Trong chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đến Việt Nam năm 2023, các bộ, ban, ngành, địa phương hai nước đã ký kết 36 văn bản thỏa thuận hợp tác trên nhiều lĩnh vực, trong đó, có 5 văn kiện hợp tác được ký kết giữa Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam và các bộ, ngành Trung Quốc có liên quan.

¹⁸ Ban Thời sự VTV, “Việt Nam - Trung Quốc thúc đẩy hợp tác khoa học và công nghệ”, VTV, ngày 13/04/2025, <https://vtv.vn/cong-nghe/viet-nam-trung-quoc-thuc-day-hop-tac-khoa-hoc-va-cong-nghe-20250412210941493.htm>.

3. Thành tựu và vấn đề đặt ra

3.1. Thành tựu

Khuôn khổ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc không chỉ dừng lại ở các tuyên bố chính trị mà đã được hiện thực hóa thông qua một quá trình thể chế hóa sâu rộng, tạo nên hợp tác đa tầng và dày đặc bậc nhất trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam. Sự vận hành của mối quan hệ trong giai đoạn 2008-2025 phụ thuộc trực tiếp vào hiệu quả của mạng lưới cơ chế này, trải dài từ kênh Đảng, Nhà nước đến các địa phương và đoàn thể nhân dân.

Giữ vai trò điều phối tổng thể và quan trọng nhất ở cấp Chính phủ là Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc. Được nâng cấp từ năm 2008, cơ chế này hoạt động với tần suất đều đặn hàng năm, ngay cả trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vẫn được duy trì qua hình thức trực tuyến. Đây là diễn đàn cấp cao để hai bên rà soát toàn diện các lĩnh vực hợp tác, từ chính trị, an ninh đến kinh tế, văn hóa, đóng vai trò điều hành vĩ mô, trực tiếp tháo gỡ những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai các thỏa thuận. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban này là hàng loạt các nhóm công tác chuyên ngành, bao trùm các lĩnh vực cụ thể như thương mại, cơ sở hạ tầng và các vấn đề trên biển, giúp cụ thể hóa các chỉ đạo chiến lược của lãnh đạo cấp cao. Cơ chế đàm phán cấp chính phủ về biên giới lãnh thổ hoạt động hiệu quả hơn, giúp phân tách giữa hợp tác phát triển và tranh chấp chủ quyền.

Tuy nhiên, đặc thù nổi bật nhất và cũng là yếu tố then chốt tạo nên sự khác biệt của quan hệ Việt - Trung so với các cặp quan hệ khác chính là vai trò “cốt lõi” của kênh Đảng. Ngoại giao kênh Đảng không chỉ đóng vai trò định hướng chiến lược mà còn hoạt động như một “van an toàn” chính trị trong những thời điểm quan hệ hai nước gặp sóng gió. Các cuộc gặp gỡ, điện đàm thường xuyên giữa hai Tổng Bí thư và cơ chế gặp gỡ định kỳ giữa đại diện hai Bộ Chính trị đã tạo ra một kênh đối thoại ở cấp cao, cho phép hai bên trao đổi thẳng thắn về các vấn đề nhạy cảm và kiểm soát rủi ro chiến lược. Thực tiễn lịch sử giai đoạn này, đặc biệt là sau sự kiện HD-981 năm 2014, đã chứng minh các liên hệ qua kênh Đảng đã đóng vai trò quyết định trong việc hạ nhiệt căng thẳng và từng bước khôi phục lòng tin chính trị.

Bên cạnh đó, các cơ chế quản lý bất đồng và xử lý khủng hoảng cũng được vận hành đồng bộ. Các đường dây nóng giữa hai Bộ Quốc phòng và lực lượng thực thi pháp luật trên biển, cùng các cơ chế đàm phán cấp Chính phủ về biên giới lãnh thổ, tuy chưa thể giải quyết triệt để các tranh chấp cốt lõi về chủ quyền, nhưng đã phát huy tác dụng ở cấp độ chiến thuật, đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn các va chạm ngẫu nhiên leo thang thành xung đột quân sự, quản lý các triệu chứng của bất đồng và duy trì tình hình trong tầm kiểm soát.

3.2. Hạn chế và vấn đề đặt ra

Nhìn lại chặng đường từ năm 2008-2025, bên cạnh thành tựu, vẫn tồn tại ba vấn đề hạn chế và phát sinh mới định hình bản chất của mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc hiện nay.

Một là, tính chất “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” đan xen phức tạp và ngày càng sâu sắc, tạo ra thế lưỡng nan về an ninh khó khăn hơn. Trong khi quan hệ chính trị ngoại giao và hợp tác kinh tế giữa hai nước đạt đến mức độ sâu rộng chưa từng có, tranh chấp Biển Đông cũng có xu hướng gay gắt và quyết liệt hơn. Hai mặt đối lập này tồn tại song song, buộc Việt Nam phải duy trì sự linh hoạt cao độ. Hợp tác là dòng chảy chính để phát triển và tạo thế đan xen lợi ích, trong khi đấu tranh là phương thức tất yếu để bảo vệ độc lập, tự chủ và toàn vẹn lãnh thổ.

Hai là, vấn đề quản lý hiệu quả mối quan hệ bất đối xứng ngày càng gia tăng. Sự chênh lệch lớn về quy mô kinh tế và tiềm lực quân sự giữa hai nước là một thực tế khách quan, dẫn đến sự phụ thuộc mang tính cấu trúc của Việt Nam vào thị trường và chuỗi cung ứng của Trung Quốc. Do đó, nghệ thuật ngoại giao của Việt Nam trong giai đoạn này là nỗ lực quản trị sự bất cân xứng đó: vừa tranh thủ nguồn lực từ nước láng giềng lớn để phát triển, vừa nỗ lực đa dạng hóa quan hệ quốc tế để tránh rơi vào thế bị lệ thuộc, giữ vững quyền tự chủ chiến lược.

Ba là, lòng tin xã hội chưa tương xứng. Sự tương đồng về thể chế chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nền tảng chính trị quan trọng nhất, giữ cho mối quan hệ không bị chệch hướng. Trong khi đó, lợi ích kinh tế từ thương mại và đầu tư đóng vai trò như chiếc mỏ neo, giữ hai nước trong quỹ đạo hợp tác và hạn chế tối đa mọi kịch bản xung đột. Tuy nhiên, nghịch lý của mối quan hệ này nằm ở chỗ, dù mức độ đan xen lợi ích kinh tế và chính trị rất lớn, nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau lòng tin chiến lược vẫn còn hạn chế.

3.3. Hàm ý đối với Việt Nam

Dựa trên phân tích thực trạng và bối cảnh quốc tế, để thúc đẩy quan hệ Việt - Trung phát triển lành mạnh, ổn định và tối đa hóa lợi ích quốc gia trong giai đoạn tới, Việt Nam cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp chiến lược sau:

Về kinh tế, Việt Nam cần tiếp tục coi trọng và thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại với Trung Quốc như một động lực phát triển quan trọng, nhưng phải chủ động giảm thiểu các rủi ro từ sự phụ thuộc này. Đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu là biện pháp quan trọng nhằm tránh phụ thuộc quá lớn vào một nguồn cung nguyên liệu hay một thị trường tiêu thụ. Đối với dòng vốn FDI, cần có sự chọn lọc hiệu quả để ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường,

đồng thời kiên quyết từ chối các công nghệ lạc hậu. Trong đàm phán thương mại, cần tiếp tục yêu cầu Trung Quốc mở cửa thị trường thực chất hơn cho nông sản, hàng hóa chế biến của Việt Nam để từng bước giảm tình trạng mất cân bằng trong cán cân thương mại.

Về mặt ngoại giao và chính trị, cần tiếp tục củng cố và phát huy hiệu quả của ngoại giao kênh Đảng. Đây là kênh quan trọng nhất để xây dựng lòng tin chiến lược ở cấp cao, cho phép trao đổi thẳng thắn về những bất đồng cốt lõi nhằm ngăn chặn những tính toán sai lầm chiến lược từ phía đối tác. Cùng với đó, cần đầu tư mạnh mẽ hơn cho ngoại giao nhân dân và giao lưu văn hóa để củng cố nền tảng xã hội của quan hệ song phương. Việc quản lý tốt tình cảm dân tộc, ngăn chặn các biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan ở cả hai nước là điều kiện cần thiết để duy trì môi trường hòa bình và hữu nghị lâu dài.

Đối với vấn đề an ninh và chủ quyền biển đảo, cần kiên định phương châm “đi bất biến ứng vạn biến”, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh trên thực địa, đấu tranh pháp lý và ngoại giao. Không ngừng hiện đại hóa lực lượng thực thi pháp luật trên biển để duy trì sự hiện diện thường xuyên và kiên quyết bảo vệ lợi ích hợp pháp. Đồng thời, cần tận dụng tối đa các diễn đàn đa phương và luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) 1982, để bảo vệ lợi ích hợp pháp.

Kết luận

Trải qua 75 năm xây dựng và phát triển, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đã vượt qua nhiều thăng trầm của lịch sử để khẳng định dòng chảy chủ đạo là hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Giai đoạn từ năm 2008-2025, việc xây dựng khuôn khổ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện và gần đây là định hướng xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai đã đánh dấu bước phát triển cả về chất và lượng của mối quan hệ này.

Thành tựu lớn nhất trong giai đoạn này là việc hai nước đã thiết lập được một khuôn khổ thể chế hợp tác toàn diện, đa tầng, giúp duy trì sự ổn định chính trị, thúc đẩy hợp tác kinh tế phát triển nhanh chóng và kiểm soát cơ bản các bất đồng. Mặc dù vẫn còn tồn tại những bất đồng không nhỏ, đặc biệt là trong vấn đề Biển Đông và mất cân đối trong cán cân thương mại, nhưng định hướng “6 hơn” đã vạch ra một lộ trình rõ ràng cho tương lai quan hệ hai nước.

Từ nền tảng lý luận ban đầu, khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc đã phát triển thành một hệ thống hợp tác đa tầng, trên nhiều phương diện, thúc đẩy hai nước phát triển kinh tế, quản trị rủi ro an ninh hiệu quả. Việc nâng cấp lên “Cộng đồng chia sẻ tương lai có ý nghĩa chiến lược” không chỉ là sự thay đổi về danh xưng mà còn phản ánh nhu cầu khách quan của cả hai nước

trong việc tìm kiếm một mô hình chung sống hòa bình và thịnh vượng giữa các biên động phức tạp, khó lường của tình hình khu vực và thế giới.

Trong kỷ nguyên mới, sự phát triển ổn định và bền vững của quan hệ Việt - Trung không chỉ là nhu cầu khách quan, phù hợp với lợi ích căn bản của nhân dân hai nước mà còn là yếu tố quan trọng đóng góp vào hòa bình, ổn định và phồn vinh của khu vực và thế giới. Với bản lĩnh, trí tuệ và tầm nhìn chiến lược, hai nước hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng vào một giai đoạn phát triển mới của mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống “vừa là đồng chí, vừa là anh em”.

* Bài viết là kết quả của Đề tài KX.06.09/21-30 do PGS.TS. Trần Thiện Thanh làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phương Anh. “Vi sao khách Trung Quốc đến Việt Nam chưa đạt kỳ vọng?”. *Vnexpress*, ngày 15/3/2024, <https://vnexpress.net/vi-sao-khach-trung-quoc-den-viet-nam-chua-dat-ky-vong-4721831.html>.
- Đình Đại. “Chất lượng đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam đã có sự cải thiện vượt bậc”. *Tạp chí Diễn đàn doanh nghiệp*, ngày 21/01/2025, <https://diendandoanhngiep.vn/chat-luong-dau-tu-cua-trung-quoc-vao-viet-nam-da-co-su-cai-thien-vuot-bac-10149311.html>
- Nguyễn Hạnh. “Việt Nam – Trung Quốc: Kim ngạch thương mại 10 tháng vượt 208 tỷ USD”. *Báo Công thương*, ngày 12/11/2025, <https://congthuong.vn/viet-nam-trung-quoc-kim-ngach-thuong-mai-10-thang-vuot-208-ty-usd-430083.html>.
- Phúc Hậu. “Thâm hụt thương mại Việt Nam - Trung Quốc ngày càng lớn”. *Báo điện tử Sài Gòn giải phóng*, ngày 14/01/2025, <https://www.sggp.org.vn/tham-hut-thuong-mai-viet-nam-trung-quoc-ngay-cang-lon-post777783.html>.
- Hữu Hưng. “Hứa hẹn Năm giao lưu nhân văn Việt-Trung sôi động”. *Báo điện tử Nhân dân*, ngày 26/01/2025, <https://nhandan.vn/hua-hen-nam-giao-luu-nhan-van-viet-trung-soi-dong-post857829.html>.
- Khánh Linh. “Việt Nam - Trung Quốc: Hướng đến thương mại cân bằng, bền vững”. *Thời báo Tài chính Việt Nam*, ngày 16/4/2025. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/viet-nam-trung-quoc-huong-den-thuong-mai-can-bang-ben-vung-174644-174644.html>.
- Kiều Trang. “Dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc vẫn đổ mạnh vào Việt Nam, nhận diện rủi ro và cơ hội”. *Báo Đầu tư chứng khoán*, ngày 30/10/2025, <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/dong-von-dau-tu-tu-trung-quoc-van-do-manh-vao-viet-nam-nhan-dien-rui-ro-va-co-hoi-post379518.html>.
- 人民日报, “把中越友好接力棒一代代传下去”, 求是网 (Nhân dân nhật báo, Truyền tiếp ngọn đuốc hữu nghị Trung - Việt qua các thế hệ, *Mạng Cầu thị*). 2025/04/15, <https://www.qstheory.cn/20250415b817a304ad89462db01763985b90708b/c.html>.
- 马晋芳. 中越高等教育合作探究[J]. *社会科学前沿* (Mã Tân Phương, Nghiên cứu về hợp tác giáo dục cao đẳng Trung - Việt, *Tuyển đầu khoa học xã hội*), 12(1) (2023), 403-407.
- 项昊宇. “中国的“伙伴”关系有哪些? (Hạng Hạo Vũ, Quan hệ đối tác của Trung Quốc có những nước nào). 20/10/2023, https://www.ciis.org.cn/yjcg/sspl/202310/t2023_1020_9097.html.